

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 132/2026/DS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2026

V/v: “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Công

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số ngày 07/11/2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” do bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7-Ninh Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐPT-DS ngày 11/02/2026 và các quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Cụ Tạ Thị P (đã chết năm 2011). Những kẻ thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị P:

1.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; đăng ký thường trú: P8 B32 tập thể Y, phường Đ (phường T, quận Đ cũ), thành phố Hà Nội;

1.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; đăng ký thường trú: Số B ngõ P, phường H (phường P, quận H cũ), thành phố Hà Nội;

1.3. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; đăng ký thường trú: Số A ngách C đường T, phường K, thành phố Hà Nội;

1.4. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1966; đăng ký thường trú: Tổ D P, phường P (quận L cũ), thành phố Hà Nội;

1.5. Ông Nguyễn Bá K (đã chết năm 1997). Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Bá K:

1.5.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (vợ ông K);

2.5.2. Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1993,

Đều cư trú tại: Số D P, phường H (phường P, quận H cũ), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N: Bà Lê Thị C, sinh năm 1967; đăng ký thường trú: Số C phố T, phường Đ (phường Q, quận Đ cũ), thành phố Hà Nội.

2. Cụ Tạ Thị L1 (tên gọi khác là Đ, chết năm 2018). Những kẻ thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị L1:

2.1. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1964; đăng ký thường trú: Số nhà E ngõ A tổ A L, phường T, tỉnh Ninh Bình (phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ); nơi cư trú: Số C Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình.

2.2. Ông Bùi Khắc T1, sinh năm 1967; đăng ký thường trú: Tổ 18 thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (nay là Tổ A thôn P, phường L, tỉnh Lâm Đồng);

2.3. Ông Bùi Khắc T2, sinh năm 1972; đăng ký thường trú: Số B đường P, phường H (phường P cũ), tỉnh Thanh Hóa;

2.4. Ông Bùi Ngọc L2 (đã chết tháng 02-2025). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Ngọc L2:

2.4.1. Anh Bùi Hoàng H2, sinh năm 2001; đăng ký thường trú: Tổ dân phố số A P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình (phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Hoàng H2: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số C Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình.

3. Ông Đỗ Văn T3, sinh năm 1948 chết ngày 30/8/2025. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Văn T3:

3.1. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1948; nơi thường trú: Số I H, phường L (phường T, quận L cũ), thành phố Hải Phòng.

3.2. Ông Đỗ Văn T5, sinh năm 1970; nơi thường trú: Số A H, phường L (phường T, quận L cũ), thành phố Hải Phòng.

3.3. Bà Đỗ Thị Kim T6 sinh năm 1972, nơi thường trú: Số 105/96 chợ Hàng, phường L (phường T, quận L cũ), thành phố Hải Phòng.

3.4. Ông Đỗ Văn T7 sinh năm 1975, nơi thường trú: Số 103/96 chợ Hàng, phường L (phường T, quận L cũ), thành phố Hải Phòng.

4. Ông Tạ Văn N1, sinh năm 1961 (con cụ Tạ Văn L3, đã chết năm 2000); đăng ký thường trú: Học viện T24, đường H, phường C (quận C cũ), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7, ông Tạ Văn N1: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; đăng ký thường trú: Số A ngách C đường T, phường K (phường K, quận Đ cũ), thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Ông Tạ Văn C1 (đã chết năm 2016). Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1:

1.1. Bà Mai Thị T8, sinh năm 1932 (vợ ông C1)

1.2. Bà Tạ Thị N2, sinh năm 1954; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà N2 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.3. Bà Tạ Thị N3, sinh năm 1957; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà N3 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.4. Ông Tạ Tuấn H3, sinh năm 1959; đăng ký thường trú: Số C đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình (thành phố N, tỉnh Nam Định cũ); nơi cư trú: Số G N, phường T, thành phố Hà Nội.

1.5. Ông Tạ Tuấn Q, sinh năm 1961; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì ông Q đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.6. Bà Tạ Mai H4, sinh năm 1965; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà H4 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.7. Bà Tạ Phương L4, sinh năm 1967; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà L4 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.8. Bà Tạ Kim N4, sinh năm 1970; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà N4 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

1.8. Bà Tạ Thu H5, sinh năm 1974; theo lời trình bày của bà T8, ông H3 cung cấp thì bà H5 đang cư trú tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

2. Ông Tạ Xuân T9 (đã chết năm 2005). Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9:

2.1. Bà Tô Thị R, sinh năm 1943 (vợ ông T9); đăng ký thường trú: Số F đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ)

2.2. Ông Tạ Tô H6, sinh năm 1970;

2.3. Ông Tạ Xuân T10, sinh năm 1979;

2.4. Ông Tạ Xuân T11, sinh năm 1981;

2.5. Bà Tạ Thị N5

Đều đăng ký thường trú: Số F N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ).

2.6. Bà Tạ Thị T12, sinh năm 1965; đăng ký thường trú: Số I phố H, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ).

2.2.7. Bà Tạ Thị Hồng T13, sinh năm 1972 – theo lời khai của ông Tạ Xuân T11 thì bà T13 đang ở nước ngoài nhưng không rõ nơi ở cụ thể.

3. Ông Tạ Văn H7, sinh năm 1946; đăng ký thường trú: Số D đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ);

4. Ông Tạ Văn H8, sinh năm 1956; đăng ký thường trú: Số B đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Tạ Văn H8: Ông Trần Việt H9 và ông Nguyễn Hải N6- Luật sư của Văn phòng L8 – Đoàn Luật sư thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Ngọc T14 (con cụ Tạ Văn L3); đăng ký thường trú: Số A tổ C, phường C (phường D, quận C cũ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Ngọc T14: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; đăng ký thường trú: Số A ngách C đường T, phường K, thành phố Hà Nội.

2. Bà Tạ Thị B (con cụ Tạ Văn L3); đăng ký thường trú: Số G Đ, phường N (phường V, thành phố N cũ), tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Đỗ Văn T15 (con cụ Tạ Thị T16), đã chết năm 2017. Chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ.

4. Ông Tạ Văn M, sinh năm 1943 (con cụ Tạ Văn T17); đăng ký thường trú: Số F V, phường G (phường C, quận B cũ), thành phố Hồ Chí Minh;

5. Bà Tạ Thị C2, sinh năm 1939 (con cụ Tạ Văn T17); đăng ký thường trú: Số E ngõ C, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ);

6. Bà Tạ Thị Y1, sinh năm 1952 (con cụ Tạ Văn T17); đăng ký thường trú: Số A đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ);

7. Bà Trần Thị H10, sinh năm 1955 (vợ ông Tạ Văn H7); đăng ký thường trú: Số D đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ)

8. Bà Nguyễn Vũ Bích N7, sinh năm 1958 (vợ ông Tạ Văn H8); đăng ký thường trú: Số B đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình (phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ)

Người kháng cáo: ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị T12 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

Tại phiên tòa: Có mặt: bà Lê Thị C, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, bà Đỗ Thị Kim T6, bà Nguyễn Thị Y, ông Tạ Tuấn H3, bà Tô Thị R, bà Tạ Thị T12, ông Tạ Tô H6, ông Tạ Văn H8, anh Nguyễn Hoài N. Vắng mặt: người kháng cáo là ông Tạ Văn H7 và các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23-6-2003, trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự có lời khai như sau:

1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2003 cụ Tạ Thị P trình bày: Bố mẹ bà là cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8, sinh được 05 người con là cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1 và bà là Tạ Thị P. Hiện nay cụ Tạ Văn K1, cụ Vũ Thị N8, cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3 và cụ Tạ Thị T16 đều đã chết.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Khi còn sống thì bố mẹ bà mua mảnh đất số 04 N, thành phố N. Sau khi bố mẹ bà chết thì gia đình bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế, tại bản án thẩm số 201 ngày 20-6-1979 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh đã chia cho 05 anh em bà mỗi người 200,5 đồng và 05 phần đất bằng nhau, mỗi phần đất là 66m² nhưng không phân định mốc giới cụ thể. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì số tiền đã chia xong, còn phần đất thì 05 anh em bà đã họp lại và cụ Tạ Văn L3 đứng ra chia đều thành 05 lô đất bằng nhau từ mặt đường vào phía trong thửa đất, mọi người đều đồng ý. Do đã già nên bà không còn nhớ cụ thể việc chia đất như thế nào. Bà không nhớ tổng diện tích mảnh đất của bố mẹ bà là bao nhiêu, chỉ biết diện tích đất đó vẫn còn nguyên vẹn.

Sau khi thỏa thuận về việc chia đất xong một thời gian thì ông T17 chết. Cụ Tạ Văn T17 có các con là Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1. Khoảng đầu năm 1980 thì ông Tạ Văn C1 đến gặp bà và đề nghị bà cho anh em ông C1 mượn mảnh đất của bà đã được chia để sử dụng. Lúc đó ông C1 chỉ nói là mượn, khi nào bà yêu cầu thì ông C1 sẽ trả lại. Bà thỏa thuận cho con cụ Tạ Văn T17 ở nhờ cho đến khi bà có nhu cầu sử dụng thì các con của cụ Tạ Văn T17 phải trả lại. Do bà ở xa nên khi các con ông T17 xây nhà nhiều lần thì bà không biết. Năm 1997 ông C1 làm nhà thì bà đã làm đơn gửi chính quyền địa phương đề nghị không cho xây dựng nhưng không được trả lời. Các năm 2001, 2002 các con ông T17 tiếp tục xây dựng thì bà đã gửi đơn nhưng cũng không được trả lời, khi bà trực tiếp đến hỏi thì Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N trả lời đã phạt hành chính. Bà đã nhiều lần đòi lại phần đất mà bà đã được chia nhưng những người con của ông T17 từ chối trả lại phần đất của bà.

Bà và chồng bà hiện đang ở tại phường P, quận H, thành phố Hà Nội có nhà ở và công trình phụ khoảng 40m². Nay bà yêu cầu đòi lại phần diện tích đất của bà được chia để bà chuyển về Nam Định sinh sống. Bà không chấp nhận việc các con ông T17 trả giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền. Bà không chấp nhận việc thanh toán giá trị các công trình xây dựng trên đất vì đó là phần xây dựng trái phép.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2003 cụ Tạ Thị L1 trình bày: Bà là con của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8. Gia đình bà có 05 anh em là bà, cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Văn L3 và cụ Tạ Thị P. Cụ Tạ Văn T17 có 07 người con là ông C1, ông T9, ông H7, ông H8 đang ở trên mảnh đất 4A Nguyễn Du, còn 03 người khác là anh M ở S, chị C2 và chị Y1 ở Nam Định. Hiện tại ông K1, bà N8, ông T17, cụ L3, cụ T16 đều đã chết.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Khi còn sống thì bố mẹ bà mua mảnh đất số 04 N, thành phố N. Năm 1979, bà được chia 200 đồng 5 hào và 66m² đất ở trên thửa đất số 4A N, thành phố N. Lúc đó cụ Tạ Văn L3 đã đứng ra họp gia đình và chia đất thành 5 phần bằng nhau, ai cũng có chiều mặt đường và chiều sâu như

nhau. Thời điểm đó các nhà tự cắm mốc giới bằng cây gỗ nhưng lâu ngày mốc giới đã mất và bà cũng không nhớ vị trí mảnh đất của mình. Sau khi được chia đất xong thì ông T9 có hỏi mượn phần đất của bà để sử dụng và được bà đồng ý. Riêng bà có giữ lại 1 góc nhỏ gần khu vệ sinh để dựng căn nhà lá để ở. Sau này khi căn nhà lá đổ thì ông T9 đã xây lại để cho bà và con ông T9 ở. Thời gian ông T9 xây nhà thì bà không nhớ. Khi ông T9 xây nhà trên phần đất của bà thì do bà đã già ở một mình thường xuyên bị ông T9, ông C1 bắt nạt nên bà không có ý kiến gì. Bà đã nhiều lần đòi lại đất của mình do ông T9 sử dụng nhưng ông T9 không trả. Từ thời điểm được chia thừa kế đến nay diện tích thừa đất số 4A N, thành phố N không thay đổi gì, còn phần đất của bà do ông T9 đang sử dụng.

Nay bà yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất bà đã được chia và không đồng ý thanh toán phần diện tích công trình đã xây dựng trên đất vì khi các con ông T17 xây nhà bà không đồng ý.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2003 ông Đỗ Văn T3 trình bày: Mẹ ông là cụ Tạ Thị T16 là con của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8, là em gái của cụ Tạ Văn T17. Ông là con của cụ Tạ Thị T16. Các ông C1, ông T9, ông H7, ông H8 là con của cụ T17. Bố ông là cụ Đỗ Văn Đ1 đã chết năm 1951, mẹ ông là cụ Tạ Thị T16 đã chết năm 1996. Bố mẹ ông sinh được hai người con là ông và ông Đỗ Văn T15. Do bố mẹ ông đã chết và không để lại di chúc nên mảnh đất của bố mẹ ông được chia tại số D N, thành phố N là tài sản thừa kế của hai anh em ông. Ông Đỗ Văn T15 đã ủy quyền cho ông thay mặt ông T15 khởi kiện và thực hiện các công việc tại Tòa án.

Về nguồn gốc thừa đất tranh chấp: Mảnh đất số 04 N, thành phố N là của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8 để lại. Năm 1979 Tòa án đã chia thừa kế của cụ K1 và cụ N8 để lại. Mẹ ông là cụ Tạ Thị T16 được chia 66m² đất trên thừa đất số 4A N, thành phố N. Sau đó ông có nghe nói cụ Tạ Văn L3 đứng ra chia mốc giới cho từng người nhưng ông không rõ phần mốc giới của cụ Tạ Thị T16 tại vị trí nào trên thừa đất. Do mẹ ông là cụ Tạ Thị T16 sống ở Hải Phòng nên các con ông T17 tự ý xây nhà trên cả thừa đất của mẹ ông mà không hỏi ý kiến cụ Tạ Thị T16. Hiện nay ông không xác định được ai đang là người ở trên thừa đất của mẹ ông mà chỉ biết là các con ông T17 đang ở. Nay ông và ông T15 yêu cầu đòi lại phần đất của cụ Tạ Thị T16 để sử dụng. Phần công trình xây dựng trên đất của cụ Tạ Thị T16 thì không được cụ T16 đồng ý nên ông không đồng ý đền bù phần công trình xây dựng trên đất.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2003 ông Tạ Văn N1 trình bày: Ông là con trai cụ Tạ Văn L3 và cụ Nguyễn Thị N9. Cụ Tạ Văn L3 đã chết năm 2000, khi chết cụ L3 không để lại di chúc. Hiện tại gia đình ông có mẹ ông là bà Nguyễn Thị N9 và em trai ông là Tạ Ngọc T14. Bố ông là cụ Tạ Văn L3 có được chia một mảnh đất tại số D N, thành phố N, nay cụ L3 đã chết nên mẹ ông và ông Tạ Ngọc T14 đã ủy quyền cho ông thay mặt gia đình khởi kiện đòi lại mảnh đất trên.

Về nguồn gốc thừa đất tranh chấp: Mảnh đất số 04 N, thành phố N là của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8 là ông bà nội ông để lại có diện tích là 334 m². Năm 1979 Tòa án đã chia thừa kế thừa đất của cụ K1 và cụ N8 để lại. Khi Tòa án chia

cho 05 người con thì mỗi người được một phần đất bằng nhau là 66m². Mốc giới cụ thể như nào thì ông không biết. Sau khi được chia đất thì cụ L3 cũng chưa sử dụng ngay vì lúc đó cụ L3 có nhà ở chỗ khác. Sau đó các con ông T17 dần dần tự lần ra xây dựng trên toàn bộ thửa đất. Hiện tại ông cũng chỉ xác định là các con ông T17 đang ở trên phần diện tích đất của cụ L3 nhưng không xác định được cụ thể là ai.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đòi lại quyền sử dụng đất của cụ Tạ Văn L3 đã được chia. Riêng phần diện tích công trình xây dựng trên đất thì ông không nhất trí đền bù vì khi các con ông T17 xây nhà không hỏi ý kiến của bố mẹ ông.

5. Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Căn cứ vào phần quyết định của bản án phúc thẩm số 15/DSPT ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh, theo đó bản án đã quyết định:

Chia số di sản của bà N8 cho các con bà như sau: Ông T17 được 60đ và 66m² thổ cư; cụ L3 được 60đ và 66m² thổ cư; bà P được 60đ và 66m² thổ cư; cụ T16 được 60đ và 66m² thổ cư; bà L1 được 60đ và 66m² thổ cư.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà cùng các nguyên đơn khác đã nhiều lần gửi đến Tòa án và các cơ quan khác các văn bản có nội dung khác nhau đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết vụ án chứ không phải bà từ bỏ yêu cầu khởi kiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc các con ông T17 hiện đang sử dụng trái pháp luật diện tích 66m² đất trên là tài sản thừa kế tại số D N cho cụ Tạ Thị P theo đúng như bản án số 15/DSPT năm 1979 đã tuyên.

Trước đây vào năm 2011 bà có yêu cầu Luật sư Trần Đình T18 tham gia bảo vệ cho bà trong vụ án này nhưng hiện nay bà không yêu cầu này nữa, bà đã làm thủ tục huỷ hợp đồng này rồi, sau này nếu trong quá trình Tòa án giải quyết mà bà thấy cần thiết phải thuê luật sư thì bà sẽ có văn bản gửi cho Tòa án sau.

6. Bà Bùi Thị H1 trình bày: Bà là người được gia đình cụ Tạ Thị L1 ủy quyền để giải quyết các việc liên quan đến quyền thừa kế tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Bà đã nhận được thông báo về việc yêu cầu đương sự nộp tài liệu chứng cứ. Địa chỉ cư trú hiện nay của ông Đỗ Văn T3 và ông Đỗ Văn T15 cùng giấy ủy quyền của hai ông T3 và ông T15 cho bà Nguyễn Thị Y đã được bà Y cung cấp cho Tòa án vào tháng 3-2019. Hiện nay cụ Tạ Thị P đã chết năm 2011, cụ Tạ Thị L1 đã chết năm 2018. Do không nắm rõ pháp luật nên ngày 25-6-2018 và ngày 10-7-2018, tôi và bà Nguyễn Thị Y là người đại diện theo ủy quyền cho cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị T16 và cụ Tạ Thị P làm đơn kiến nghị gửi tới Tòa án nhân dân thành phố Nam Định với nội dung: “Căn cứ vào bản án dân sự số 201 ngày 20-6-1979. Chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhanh chóng hoàn thành thủ tục pháp lý để bản án dân sự số 201 được thực hiện công tác thi hành án. Cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị P được nhận phần đất chia thừa kế tại nhà số D phố N, thành phố N để sử dụng và sở hữu. Việc cần làm ngay vì bản án dân sự số 201 có hiệu lực pháp luật 40 năm rồi,

chúng tôi không khởi kiện công dân khác. Ông Tạ Văn C1, ông Tạ Văn T19, ông Tạ Tiến H11 cư trú tại số D phố N, thành phố N không phải bị đơn vì chúng tôi không khởi kiện họ”. Nay tại phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết đơn của những người đã được gia đình cụ Tạ Thị P, cụ Tạ Thị L1 ủy quyền để giải quyết các việc liên quan đến quyền thừa kế của mình.

7. Ông Bùi Khắc T1 trình bày: Bà Trần Thị Q1 là con gái ruột của cụ Tạ Thị L1 (Đ), còn ông Bùi Ngọc U là con rể của cụ Tạ Thị L1 (Đ). Cụ Tạ Thị L1 (Đ) chết ngày 28-12-2017 âm lịch (dương lịch là ngày 13-02-2018). Cụ L1 chết có để lại một thửa đất tại số D đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định, trên thửa đất có một căn nhà xây, còn cụ thể diện tích nhà và đất là bao nhiêu thì ông không rõ. Cụ L1 chết thì theo ông được biết là không để lại di chúc chia di sản thừa kế cho bà Q1 và ông U. Bà Trần Thị Q1 chết năm 1974, ông Bùi Ngọc U chết năm 1993. Khi bà Trần Thị Q1 và ông Bùi Ngọc U chết không để lại tài sản gì và cũng không có di chúc chia di sản thừa kế cho ai. Bà Trần Thị Q1 và ông Bùi Ngọc U có tổng cộng 04 người con gồm: Bùi Ngọc L2, sinh năm 1961 ở thành phố N; Bùi Thị H1, sinh năm 1964 ở thành phố N; Bùi Khắc T2, sinh năm 1972 ở phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và ông là Bùi Khắc T1, sinh năm 1967 ở tổ A, thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ chỗ ở cụ thể của Bùi Ngọc L2, Bùi Thị H1, Bùi Khắc T2 thì ông không rõ.

Theo ông được biết thì nhà đất tại số D đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định là tài sản của cụ Tạ Thị L1. Còn nguồn gốc cụ thể tài sản này thì ông không rõ. Lúc đó ông còn nhỏ nên không có đóng góp công sức gì đối với nhà đất này.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại phần đất được thừa kế tại số D N, thành phố N thì ông không có yêu cầu gì đối với yêu cầu của các đồng nguyên đơn vì thực tế ông đã đi khỏi Nam Định từ năm 1985 và về Bình Thuận sinh sống từ năm 1990 đến nay. Bà Bùi Thị H1 là người sống chung với cụ L1 trước khi cụ L1 chết nên ông xin ủy quyền lại cho bà H1 toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án.

8. Ông Bùi Khắc T2 trình bày: Ông là con đẻ của bà Trần Thị Q1 và ông Bùi Ngọc U, là cháu ngoại của cụ Tạ Thị L1 (Đ). Cụ Tạ Thị L1 chết ngày 28-12-2018 (âm lịch), khi cụ L1 chết có để lại nhà đất ở số D N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Ông không biết rõ diện tích bao nhiêu, thuộc thửa đất số, tờ bản đồ bao nhiêu. Hiện nay nhà đất này được sử dụng làm nhà thờ, thỉnh thoảng con cháu đi lại thắp hương, giao chìa khóa cho bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Ngọc L2 (là cháu ngoại của cụ L1 và là chị và anh của ông) giữ chứ không ai sinh sống, trực tiếp quản lý nhà đất này. Khi cụ L1 chết không để lại di chúc cho bố mẹ ông mà để lại di chúc cho 04 cháu ngoại gồm: ông là Bùi Khắc T2, ông Bùi Ngọc L2, bà Bùi Thị H1 và ông Bùi Khắc T1 được hưởng nhà đất nói trên của cụ L1 và giao di chúc cho bà Bùi Thị H1 cất giữ.

Mẹ ông là bà Trần Thị Q1 chết khi ông còn nhỏ nên không nhớ rõ năm chết, ông nghe anh em nói lại là bà Q1 chết năm 1974, hàng năm gia đình làm giỗ bà Q1 vào ngày 30-4 âm lịch. Bố ông là Bùi Ngọc U chết ngày 09-11-1993 (âm lịch). Khi

còn sống bố ông bán nhà đất của bố mẹ ông tại Nam Định vào miền N sinh sống, khi bố ông chết có để lại cho anh trai ông là Bùi Khắc T1 quản lý, sử dụng nhưng không làm di chúc chia di sản thừa kế cho ai cả. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Ông Bùi Ngọc L2, sinh năm 1961 (địa chỉ: D, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định); bà Bùi Thị H1, sinh năm 1963 (địa chỉ: Phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định); ông Bùi Khắc T1, sinh năm 1967 (địa chỉ: Thị xã L, tỉnh Bình Thuận) và ông là Bùi Khắc T2.

Về nguồn gốc nhà đất số D N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định theo ông được biết là do ông bà cố ông để lại, không phải do ông bà ngoại ông tạo dựng. Ông lớn lên đã thấy bà ngoại ở đó, ông không có công sức đóng góp đối với nhà đất này.

Về yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

9. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2003 ông Tạ Xuân T9 trình bày: Ông bà nội ông là cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8 có 05 người con gồm: bố ông là Tạ Văn T17, cụ Tạ Thị L1 (Đ), cụ Tạ Thị T16 (M), cụ Tạ Văn L3 và cụ Tạ Thị P. Cụ Tạ Văn L3 hiện đã chết, cụ L3 có vợ là bà N9 và 02 con trai là Tạ Văn N1 và Tạ Ngọc T14. Cụ Tạ Thị T16 (M) đã chết, chồng cụ T16 cũng đã chết, hiện chỉ còn 02 con là Đỗ Văn T3 và Đỗ Văn T15. Ông là con cụ Tạ Văn T17 (đã chết năm 1970) và bà Nguyễn Thị M1 (đã chết năm 2000), khi bố mẹ ông chết thì không để lại di chúc. Ông T17 và bà M1 có 07 người con gồm: Ông Tạ Văn C1, ông là Tạ Xuân T9, bà Tạ Thị C2, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, bà Tạ Thị Y1 và ông Tạ Văn H8.

Về nguồn gốc thửa đất: Ông sống từ nhỏ trên thửa đất số 04 N, thành phố N, cũng chỉ biết mảnh đất này là của cha ông để lại cho ông nội ông là Tạ Văn K1. Sau khi cụ K1 chết năm 1949 thì đến năm 1951 bố ông là Tạ Văn T17 dựng nhà trên mảnh đất này để ở. Sau đó anh em ông khi lập gia đình lại tiếp tục dựng nhà trên thửa đất đó để ở. Giấy tờ nguồn gốc thửa đất đó có nhưng ông không biết ai đang giữ. Diện tích của thửa đất số 04 N, thành phố N ông không biết nhưng có lần ông nghe bố ông nói là 345m², từ trước đến nay diện tích này vẫn giữ nguyên. Hiện nay ông đang sử dụng khoảng 30m² mặt đường N và 01 bếp là 10m².

Năm 1960 ông lập gia đình và dựng nhà bằng tranh nửa để ở. Đến năm 1979 vợ chồng ông đã xây lại bằng gạch bi và lợp ngói bếp nhưng đã bị hỏng nên ông đã xây lại vào năm 2002. Ngoài ra ông còn xây 01 gian nhà khoảng 16m² để bà L1 ở khoảng năm 1988 bằng tường gạch, trần bê tông. Nguồn gốc số tiền và công sức xây dựng là của ông và vợ ông là Tô Thị R. Hằng năm ông vẫn đóng thuế đất phần đất của ông và phần của bà L1. Ông và bà L1 cam kết với nhau rằng ông sẽ xây nhà cho bà L1 ở, chịu trách nhiệm nuôi dưỡng bà L1 và làm lễ tang cho bà L1, sau đó ông sẽ được hưởng phần đất của bà L1 đang sử dụng.

Năm 1979 khi ông xây nhà thì Phòng nhà đất có tạm dừng việc xây dựng của ông, sau đó ông đã làm đơn trình bày và có xác nhận của cụ L3, bà P, bà M, bà Đ đồng ý cho ông xây dựng, vì vậy Phòng nhà đất mới tiếp tục đồng ý cho ông xây dựng nhà trên đất. Từ đó đến nay chỉ có ông H7 là em trai ông đòi ông chia phần

đất mặt đường, ngoài ra không có ai tranh chấp gì. Ông có biết việc năm 1979 Tòa án giải quyết chia thừa kế của cụ K1, cụ N8, cụ D nhưng ông không được triệu tập để làm việc và cũng không biết kết quả xét xử như thế nào. Khoảng năm 1990 thì cụ L3 có khởi kiện đòi đất, ông cũng được triệu tập nhưng sau đó không thấy xét xử gì. Việc cụ L3 đứng ra chia đất và nói cho chúng tôi mượn đất là không có. Việc xây nhà và sử dụng đất trên thửa đất số 04 N, thành phố N đều do mọi người tùy ý xây dựng khi có nhu cầu.

Nay bà P, bà L1, ông N1, ông T3 khởi kiện đòi quyền sử dụng đất thì quan điểm của ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất.

10. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2003 ông Tạ Văn C1 trình bày: Ông bà nội ông là Tạ Văn K1 và Vũ Thị N8 có 05 người con gồm bố ông là Tạ Văn T17, cụ Tạ Thị L1 (Đ), cụ Tạ Thị T16 (M), cụ Tạ Văn L3 và cụ Tạ Thị P. Cụ Tạ Văn L3 đã chết, cụ L3 có vợ là bà N9 và 02 người con là ông N1 và ông T3. Cụ Tạ Thị T16 đã chết, chồng cụ T16 cũng đã chết, vợ chồng cụ T16 có 02 người con là Đỗ Văn T3 và Đỗ Văn T15. Bố mẹ ông có 07 người con gồm: Ông là Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, bà Tạ Thị C2, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, bà Tạ Thị Y1, ông Tạ Văn H8. Bố ông là Tạ Văn T17 chết năm 1970, mẹ ông là Nguyễn Thị M1 chết tháng 12-2000. Khi chết thì bố mẹ ông không để lại di chúc gì.

Nguồn gốc thửa đất số 04 N, thành phố N là do ông cha để lại từ ngày xưa cho cụ K1, sau đó đến bố ông là Tạ Văn T17 ở. Sau khi bố ông chết thì anh em tôi tiếp tục ở đó. Giấy tờ đất như tôi được biết là có 01 bộ giấy tờ từ thời Pháp thuộc nhưng hiện tại tôi không biết ai giữ. Thửa đất số 4A Nguyễn Du này có diện tích khoảng 334m², chiều rộng mặt đường khoảng 16m, chiều sâu khoảng hơn 20m. Từ khi ông biết đến nay thì thửa đất này vẫn giữ nguyên vẹn và không bị lấn chiếm hoặc coi nói thêm.

Ông ở trên thửa đất này từ năm 1951. Từ năm 1957 ông lấy vợ và ở riêng 01 gian nhà. Sau đó dần làm nhà ra mà không có ai đứng ra chia cả. Hiện tại ông đang sử dụng 50m² đất phía trong và 09m² đất mặt đường N từ trước đến nay ông đều nộp thuế đất cho phần sử dụng của mình. Từ năm 1951 khi bố ông đưa các cụ về thì nhà cửa cũ đã cháy hết nên bố ông dựng 01 dãy nhà tranh, sau đó cho các con ở. Năm 1985 ông dỡ phần của ông đi và xây 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích khoảng 50m² và 01 quán nước xây tường gạch bi, mái sang gạch khoảng 9m², 01 gian bếp rộng khoảng 15m². Năm 2002 ông xây thêm 01 tầng nữa trên gian nhà đang ở. Toàn bộ phần xây dựng và công sức là của ông và vợ ông là bà Mai Thị T8. Khi tôi xây dựng nhà thì cụ P, cụ L1, cụ L3 và những người khác đều biết và không thấy ai phản đối gì. Việc chia thừa kế của cụ K1 và cụ N8 năm 1979 thì tôi không biết. Ông chỉ biết khoảng năm 1988 thì cụ L3 có kiện đòi đất tại Tòa án và ông cũng đã được gọi ra Tòa án. Lúc đó ông mới biết năm 1979 Tòa án đã chia cho mỗi người 66m². Ngay lúc đó ông đã trình bày là không chấp nhận vì cụ L3 và cụ N10 đã được hưởng 01 mảnh đất ở khu K rộng khoảng 1800m², mảnh đất ở N là phần của bố ông. Năm 1986 khi ông đã xây xong nhà thì cụ L3 có đến và cấm một

sổ cọc tạm và tiến hành đo đạc. Ngay lúc đó ông đã nói với cụ L3 là mảnh đất này là của bố ông, còn các cụ L3, cụ N10 được ở trên mảnh đất ở khu K. Sau đó thì cụ L3 cũng không tiếp tục đo và chia gì nữa.

Việc sử dụng thửa đất trên thì không có ai chia cả mà cứ khi ai lập gia đình thì tự xây 01 phần nhà trên đất để ở. Ông cũng không mượn đất của cụ P. Nay cụ P, cụ L1, ông T3, ông N1 khởi kiện đòi quyền sử dụng đất thì quan điểm của ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất.

11. Ông Tạ Văn H8 trình bày: Ông nội ông là Tạ Văn K1, bà nội ông tên gì thì ông không nhớ, vợ chồng cụ K1 đều đã chết nhưng ông không nhớ năm nào. Ông bà nội ông có 05 người con gồm: Bố ông là Tạ Văn T17, cụ L3, cụ Đ, cụ P, cụ T16. Bố mẹ ông có 07 người con gồm: Ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, bà Tạ Thị C2, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, bà Tạ Thị Y1 và ông Tạ Văn H8. Vợ cụ L3 tên gì thì ông không biết, hiện bà L3 đang ở Vĩnh Phúc, vợ chồng cụ L3 có 03 người con là B ở N, ông N1 đang ở Hà Nội, ông T3 không rõ địa chỉ. Vợ chồng cụ T16 đều đã chết, có 02 người con là T3 và T15 ở Hải Phòng.

Theo bố ông nói lại thì thửa đất số 04 N, thành phố N là đất của ông nội ông để lại cho bố ông là con cả. Khi bố ông chết không nói gì về việc phân chia thửa đất trên. Năm 1979 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử chia thừa kế mảnh đất số 04 N, thành phố N thì khi đó ông đang đi bộ đội nên ông không biết gì. Ông sống trên thửa đất này từ nhỏ cùng bố mẹ, ông dựng 01 căn nhà mái ngói trên diện tích đất ông đang ở, sau đó ông còn sửa chữa nhiều lần. Căn nhà hiện tại ông sửa lại thành 04 tầng, diện tích khoảng 55m². Khi xây dựng nhà thì ông có làm đơn, có UBND phường xác nhận và nộp đơn lên Phòng Giao thông – Xây dựng thành phố N. Đồng thời ông cũng làm nhà và sửa nhà luôn, sau đó ông không để ý đến việc xin cấp giấy phép nữa. Khi ông xây nhà thì các cụ P, cụ L1 không thấy phản đối gì. Khi ông đã xây nhà xong và đang hoàn thiện thì có bị Phòng Giao thông – Xây dựng thành phố N phạt về hành vi xây dựng không có giấy phép và đình chỉ việc xây dựng nhưng do đang hoàn thiện nhà nên ông vẫn tiếp tục làm cho xong. Giá trị lần làm nhà cuối cùng khoảng 250 triệu đồng, toàn bộ số tiền này là của ông và vợ ông là bà Nguyễn Vũ Bích N7. Khi ông xây dựng nhà thì ông không thấy có tranh chấp gì, cụ L3, cụ P, cụ T16 cũng không có ý kiến gì. Hiện tại gia đình ông có 04 người gồm: vợ chồng ông và 02 người con sử dụng 03 tầng trên và ½ tầng dưới, phần mặt đường cho ông V là bạn ông để mở văn phòng.

Khi mẹ ông chết có để lại di chúc cho ông hưởng toàn bộ phần di sản của mẹ ông gồm ngôi nhà đang ở và các quyền lợi khác. Việc Tòa án xét xử năm 1979 ông không biết, ông ở trên mảnh đất của bố mẹ ông để lại nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

12. Ông Tạ Văn H7 trình bày: Ông xác định những người kiện ông không có đủ cơ sở pháp lý khởi kiện vì họ không xuất trình được giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất nên họ không có quyền đòi. Việc Tòa án xét xử năm 1979 thì bố ông chết năm 1970 nhưng mẹ ông và các anh em không ai biết việc này thì làm sao các

ông biết được là có bản án mà thi hành nên bản án đó không có giá trị pháp lý, vì vậy không thi hành được. Vậy ông đề nghị những trường hợp sau này mà Tòa án báo gọi giải quyết thì triệu tập cả các người con, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Hiện tại số 04 Nguyễn Du thuộc đất của bố ông gồm có 04 người con của cụ ở là: Ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8. Còn 03 người con của bố ông đã đi ở nơi khác.

Nguồn gốc đất các ông đang ở là của bố đẻ ông là cụ Tạ Văn T17 ở đó, khi bố ông chết thì mẹ ông và anh em ông ở. Mẹ ông chết năm 2001. Từ đó đến nay gia đình ông ở không có ai kiện cáo gì, không có ai có đơn từ gì giải quyết việc đất cát này cả.

Nay ông không đề nghị gì cả mà anh em ông chỉ biết ở lại trên đất của bố ông để lại cho anh em ông. Mảnh đất đó ông không biết là của bố ông mua hay ông nội ông mua, nhưng ông nghĩ là của bố ông. Ông chỉ biết bố ông là người được sinh ra ở mảnh đất đó và ở mảnh đất đó. Sau này là đến anh em các ông sinh ra ở đó và ở lại mảnh đất đó cho đến nay nên ông nghĩ là đất của bố ông. Đề nghị không công nhận bản án năm 1979 vì bố ông chết trước năm 1979, anh em ông ở số D N mà không được biết Tòa án giải quyết. Nay ông không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất.

13. Ông Tạ Tuấn H3 trình bày: Ông là con trai của ông Tạ Văn C1 đã chết năm 2015. Bố mẹ ông có 08 người con gồm: Bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5 và ông. Tất cả những anh chị em của ông đều lập gia đình, sinh sống và làm việc tại Hà Nội, địa chỉ cụ thể của từng người thì ông không nhớ chính xác.

Diện tích đất và ngôi nhà mà các cụ để lại thì bố mẹ ông quản lý sử dụng chung. Năm 2015 bố ông chết thì mẹ ông và vợ chồng ông vẫn đang quản lý sử dụng. Diện tích đất cụ thể là bao nhiêu thì ông không nhớ chính xác, ngôi nhà đang ở là do bố mẹ ông xây dựng từ năm 1984.

Cụ Tạ Thị P khởi kiện đòi quyền sử dụng đất thì quan điểm của ông và gia đình không nhất trí. Bố mẹ ông và ông ở trên diện tích của ông nội ông là Tạ Văn T17. Nguồn gốc đất này của cụ Tạ Văn T17 là của cụ Tạ Văn K1 để lại. Suốt quá trình sử dụng không mua bán chuyển nhượng với ai. Cụ Tạ Thị P khởi kiện là do bản án của Tòa án năm 1979 phân chia đất cho mỗi người 66m² nhưng không cụ thể vị trí thửa đất đó ở đâu nên gia đình ông không có nghĩa vụ thực hiện theo bản án đó.

Ông sẽ liên hệ với anh chị em trong gia đình ông và bàn bạc trong nội bộ gia đình, nếu anh em trong gia đình nhất trí cho ông đại diện theo ủy quyền thì ông sẽ làm văn bản ủy quyền gửi cho Tòa án. Do anh chị em trong gia đình không ủy quyền cho ông và địa chỉ cụ thể của từng người thì ông không nhớ chính xác nên không cung cấp được cho Tòa án.

Nay ông không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất.

14. Ông Tạ Xuân T11 trình bày: Bố anh là ông Tạ Xuân T9 đã chết năm 2005, mẹ anh là bà Tô Thị R. Bố mẹ anh sinh được 06 người con gồm: Chị Tạ Thị T12, chị Tạ Thị N5, anh Tạ Tổ H12, anh Tạ Xuân T10, chị Tạ Thị Hồng T13 và anh là Tạ Xuân T11.

Anh sinh ra, lớn lên trên mảnh đất số 04 N và sinh sống trên đất đó đến nay. Anh không biết gì về nguồn gốc mảnh đất, nhưng việc bố anh là ông T9 xây dựng nhà cho bà Đ năm 1991 thì anh có biết. Ngôi nhà của bố mẹ anh đang ở là do bố mẹ anh xây dựng, anh không có đóng góp gì. Diện tích nhà anh không nhớ chính xác khoảng hơn 40m² hiện chưa được cấp GCNQSD đất. Nay anh ủy quyền cho Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh về việc giải quyết vụ án.

15. Ông Tạ Xuân T10 trình bày: Bố ông là Tạ Xuân T9 đã chết năm 2005, mẹ anh là Tô Thị R. Bố mẹ anh sinh được 06 người con gồm: Chị Tạ Thị T12, chị Tạ Thị N5, anh Tạ Tổ H12, anh Tạ Xuân T10, chị Tạ Thị Hồng T13 và anh Tạ Xuân T11.

Ngôi nhà số D N cũ anh chỉ biết là do bố mẹ anh tự xây dựng từ ngày lấy nhau và ở ổn định đến nay anh không thấy có tranh chấp gì cả cho đến năm 2007 anh mới biết các con cụ L3, bà L1, bà P về đòi đất chia quyền thừa kế. Nhưng anh được biết theo pháp luật nguyên đơn khiếu kiện không có đầy đủ tính pháp lý của Nhà nước. Hiện anh đang ở tại ngôi nhà cấp 04 khoảng 30m² + 01 căn bếp khoảng 10m² do bố mẹ anh tự xây để lại. Ngoài ra bố mẹ anh năm 1991 còn bỏ tiền ra xây nhà cho cụ Tạ Thị L1 (tức Đ) một ngôi nhà cũng tại trên mảnh đất số 04 N. Ngôi nhà bố mẹ anh bỏ tiền xây dựng từ ngày lấy nhau tại số D N thì anh không có đóng góp gì trong việc xây dựng ngôi nhà đó cả. Vợ chồng anh ở cùng với mẹ anh là bà Tô Thị R, em Tạ Xuân T11, vợ chồng anh Tạ Tổ H12 tại ngôi nhà khoảng 30m² + 01 căn bếp khoảng 10m² tại mảnh đất số 04 N cũ (nay là số F N). Hiện vợ chồng anh chưa sinh con, còn vợ chồng anh H12 ở cùng con là Tạ Thị T20. Tổng nhân khẩu ở số F N là 07 nhân khẩu.

16. Ông Tạ Văn M có lời khai: Ông là con của cụ Tạ Văn T17 và bà Nguyễn Thị M1. Ông T17 và bà M1 có 07 người con, ngoài ra có một hay hai người con của ông T17 và bà M1 đã chết khi còn nhỏ nên coi như không tính đến. 07 người con của ông T17 và bà M1 gồm: Ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, bà Tạ Thị C2, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, bà Tạ Thị Y1 và ông Tạ Văn H8. Bố ông chết năm 1970, ông chết năm 2000. Bố mẹ ông có để di sản hay di chúc hay không thì ông không nắm rõ, vì ông thoát ly gia đình từ năm vào đại học đến nay, chỉ thỉnh thoảng về chơi. Ông sinh ra và lớn lên tại căn nhà số D N. Đến năm vào đại học thì thoát ly đến nay, chưa bao giờ tìm hiểu về nguồn gốc nhà đất này nên không nắm rõ. Ông không có đóng góp gì, cũng không được chia gì cả.

Nay các đồng nguyên đơn có yêu cầu đòi quyền sở hữu tài sản số 04 N thì ông không có yêu cầu gì. Ông không đòi quyền lợi gì đối với nhà đất số D N. Đồng thời ông cũng không đồng ý tham gia vụ kiện trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, ông cam kết không khiếu nại gì về sự vắng mặt này.

17. Bà Tạ Thị C2 có lời khai: Bố bà là Tạ Văn T17 chết năm 1970, mẹ bà là Nguyễn Thị M1 chết năm 2000. Bố mẹ bà có 07 người con gồm: Ông Tạ Văn C1,

ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị C2 và bà Tạ Thị Y1.

Tổ tiên bà có 02 mảnh đất gồm: 01 mảnh đất ở H diện tích 900m² cho 02 chú Tạ Văn L3 đã chết và chú Tạ Văn N10, mảnh đất này Nhà nước đã thu hồi và đền bù cho 02 chú bà; 01 mảnh đất ở số D N ông nội bà cho bố bà là con trai trưởng. Dòng họ bà không chia đất cho con gái. Bà là con gái cụ Tạ Văn T17 không đòi hỏi quyền lợi gì trên mảnh đất số 04 N.

Nay Toà án đang giải quyết việc tranh chấp ở mảnh đất số 04 N thì phần bà, bà không đòi hỏi quyền lợi gì trên mảnh đất này.

18. Bà Tạ Thị Y1 có lời khai: Bố bà tên là Tạ Văn T17 chết năm 1970, mẹ bà là Nguyễn Thị M1 chết năm 2000. Bố mẹ bà sinh được 07 người con gồm: Ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị C2 và bà Tạ Thị Y1.

Tổ tiên bà để lại mảnh đất số 04 N cho bố bà là Tạ Văn T17 con trai trưởng họ Tạ. Bố bà ở tại số D N từ thời Pháp thuộc và sau đó là các con trai của bố bà là ông C1, ông T9, ông H7 và ông H8 hiện đang ở tại địa chỉ này. Dòng họ bà có truyền thống chỉ cho con trai ở trên đất của tổ tiên. Ông bà có 02 mảnh đất gồm: 01 mảnh đất 900m² ở Trường Y phố H chia cho 02 chú bà là Tạ Văn L3 và Tạ Văn N10; 01 mảnh đất tại số D N hơn 300m² chia cho bố tôi là Tạ Văn T17 – con trai trưởng của cụ Tạ Văn K1. Ông bà sau năm 1954 chỉ còn lại 03 con trai gồm: Cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3 và cụ Tạ Văn N10. Bà là con gái ông T17 không đòi hỏi quyền lợi nghĩa vụ gì ở mảnh đất số 04 N.

Bà có các cô ruột là cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị L5, cụ Tạ Thị Đ2, bà Tạ Thị H13. Mảnh đất ở H là quyền của 02 chú Tạ Văn L3 và Tạ Văn N10. 02 chú chia thế nào là quyền của các chú. Mảnh đất số 04 N ông bà cho bố bà là Tạ Văn T17. Bà không hề được biết việc chia đất ở cả 02 mảnh đất trên.

Nay Toà án đang giải quyết vụ án về mảnh đất số 04 N thì bà không đòi hỏi quyền lợi gì ở mảnh đất số 04 N và bà là con gái nên cũng không đóng góp gì ở mảnh đất của bố bà tại số D N.

Quan điểm của Luật sư Bùi Thị Kim L6: Đơn khởi kiện ban đầu không đáp ứng về hình thức theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Pháp lệnh số 27-LCT/HĐNN ngày 07-12-1989 của UBTVQH nên không đủ điều kiện thụ lý, không thuộc thẩm quyền của Tòa án; không có bản án phúc thẩm số 201 nào như nguyên đơn trình bày; ông Đỗ Văn T3 và ông Tạ Văn N1 không phải là nguyên đơn vì không có văn bản nào thể hiện ông Tạ Văn L3 cũng như những người thừa kế khác của ông L3 chuyển giao quyền đòi lại tài sản cho ông Tạ Văn N1, không có văn bản nào thể hiện bà Tạ Thị T16 cũng như những người thừa kế khác của bà T16 chuyển giao quyền đòi lại tài sản cho ông Đỗ Văn T3; sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng thời hiệu thi hành bản án đã hết; tư cách nhận ủy quyền phía nguyên đơn không đảm bảo theo quy định của pháp luật....Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án trả lại đơn cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tranh chấp giữa các đương sự như thông báo tìm kiếm người có liên quan đến tranh chấp; xem xét, thẩm định, định giá tài sản; thu thập thông tin về đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ3; xác minh địa chỉ cư trú của đương sự....

Từ nội dung vụ án như trên, bản án số: 13/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Ninh Bình đã quyết định:

- Căn cứ Điều 164, Điều 181, Điều 254, Điều 255, Điều 264, Điều 738 Bộ luật sự năm 1995; Điều 155, Điều 174, Điều 246, Điều 247, Điều 256 và Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 649 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 33, Điều 35 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2004; Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27, Điều 220 Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về lệ phí, án phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Án lệ số 50/2021/AL ngày 31-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Tạ Thị P (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị P là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N), cụ Tạ Thị L1 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị L1 là bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Hoàng H2), ông Đỗ Văn T3, ông Tạ Văn N1.

1.1 Về việc giao đất và các tài sản xây dựng trên đất:

- Giao cho ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 được quyền quản lý phần đất có diện tích 62,66m² (đã trừ đất quy hoạch) và công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 25, thửa đất số 07, một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 8 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 17 đến điểm 37; phía Đông từ điểm 9 đến điểm 34; phía Nam có chiều sâu kéo dài từ điểm 9 đến điểm 10, đến điểm 11, đến điểm

A, đến điểm 13, đến điểm 14, đến điểm A, từ điểm 15 kéo sang điểm 16, từ điểm 16 đến điểm 17; phía Bắc có chiều sâu kéo dài tính từ điểm 37 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 34).

Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận phân chia di sản thừa kế hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Văn T17 theo quy định của pháp luật.

Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có trách nhiệm bàn giao các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2.

- Giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N được quyền sở hữu phần đất có tổng diện tích khoảng 187,98m² (đã trừ diện tích quy hoạch) và các công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 09, thửa đất số 26, một phần thửa đất số 08, một phần thửa đất số 05, một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và diện tích đất, công trình xây dựng trên đất tại ngõ B, bao gồm diện tích đất cụ Tạ Thị P được hưởng là 62,66m², của cụ Tạ Thị T16 là 62,66m², của cụ Tạ Văn L3 là 62,66m² (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 33 đến điểm 37; phía Nam từ điểm 8 đến điểm 9, từ điểm 9 kéo sang điểm 34, từ điểm 34 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 37; phía Đông tính từ điểm 1 đến điểm 2, đến điểm 3, đến điểm 4, đến điểm 5, từ điểm 5 kéo sang điểm 6, từ điểm 6 sang điểm 7, từ điểm 7 đến điểm 8; phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 31, từ điểm 31 kéo sang điểm 32, từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33).

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị P theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 được quyền quản lý phần đất có diện tích khoảng 62,66m² (đã trừ diện tích quy hoạch) và các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần thửa đất số 05,

một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ 5 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 28 đến điểm 33; phía Bắc có chiều sâu từ điểm 28 đến điểm 29, đến điểm 30, đến điểm 31; phía Đông từ điểm 31 kéo sang điểm 32; phía Nam từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33).

Bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị L1 theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

1.2 Về thanh toán giá trị đất bằng tiền:

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có trách nhiệm:

+ Thanh toán cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Tạm giao cho ông Tạ Văn N1 được quyền nhận toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng. Ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 đồng hoặc khởi kiện vấn đề này theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B theo quy định của pháp luật.

+ Thanh toán cho ông Đỗ Văn T3 và ông Đỗ Văn T15 số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Do ông Đỗ Văn T15 đã chết năm 2017, thời điểm xét xử chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T15 nên tạm giao cho ông Đỗ Văn Thanh quản L7 toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng, để sau này người thừa kế của ông Đỗ Văn T15 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Đỗ Văn T3 và ông Đỗ Văn T15 theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng phải thanh toán cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B và số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng phải thanh toán cho ông Đỗ Văn T3, ông Đỗ Văn T15 theo tỷ lệ được hưởng hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3 Về giá trị công trình xây dựng trên đất:

- Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 về giá trị thanh toán đối với các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ số 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho những người này hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

- Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận thanh toán với nhau về giá trị của các công trình xây dựng trên thửa đất số 07, thửa đất số 08, thửa đất số 25 tờ bản đồ số 8 hoặc khởi kiện vấn đề này bằng vụ án khác.

2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự trong vụ án được chia sở hữu sử dụng, quản lý quyền sử dụng đất có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng do cụ Tạ Thị P đã nộp theo Biên lai số 004854 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Trả lại ông Tạ Văn N1 số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng đã nộp theo Biên lai số 004853 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Trả lại ông Đỗ Văn T3 số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng đã nộp theo Biên lai số 004855 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5, ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị Hồng T13, mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Miễn án phí cho ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1, bà Tô Thị R, bà Mai Thị T8, bà Trần Thị H10, bà Nguyễn Vũ Bích N7, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị T12.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự

Ngày 24/9/2025, ông Tạ Văn H7 kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án, trả lại đơn cho 4 nguyên đơn.

Ngày 24/9/2025, ông Tạ Tuấn H3 kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án.

Ngày 24/9/2025, ông Tạ Văn H8 kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án.

Ngày 24/9/2025, bà Tạ Thị T12 kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, trả lại đơn cho các nguyên đơn và đình chỉ vụ án.

Lý do của việc kháng cáo là bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ và đúng thực tế hiện trạng sự việc, chưa rõ ràng về vụ án từ năm 1979 mà phía nguyên đơn đưa ra làm căn cứ khởi kiện, tuyên nhiều điểm chưa đúng và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án đồng thời giữ nguyên kháng cáo. Những người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Tạ Văn H14 trình bày: cả 4 đơn khởi kiện đều dựa theo bản án số 201 năm 1979 nhưng cấp sơ thẩm lại xử theo Bản án số 15 năm 1979 là trái pháp luật. Bản án của Tòa án Hà Nam Ninh có nhiều sai sót, vi phạm tố tụng; nhiều người có quyền lợi chính đáng phải được tham gia tố tụng thì không được tham gia, Cơ quan Thi hành án cũng chưa phân định rõ mốc giới các phần đất, chưa chia, chưa cắm mốc, chưa xác định bằng giấy tờ thì chưa thuộc về nguyên đơn nên nguyên đơn kiện đòi tài sản là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn mới cung cấp ông Đỗ Văn T3 đã chết trước khi xử sơ thẩm nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án

Bà Lê Thị C, bà Bùi Thị H1, bà Nguyễn Thị Y đều trình bày: Sổ đỏ mang tên cụ Tạ V1 và cụ K1 sinh được 5 người con và các con cũng đã mất, cụ K1 cũng đã mất không để lại di chúc, di sản của vợ chồng K1 để lại đã được chia thừa kế vào năm 1979. Căn cứ theo Bản án phúc thẩm số 15 năm 1979, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án khu vực 7-Ninh Bình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyền lợi tố tụng của đương sự được bảo đảm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết tại toà án cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Văn T3 cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình tài liệu gồm: Giấy chứng tử của ông Đỗ Văn T3, nội dung trong giấy chứng tử thể hiện ông T3 chết lúc 07 giờ 37 phút, ngày 30/8/2025; nơi chết: số I Chợ H, phường L, thành phố Hải Phòng, được đăng ký khai tử tại UBND phường L, thành phố Hải Phòng số 143/2025 ngày 30/8/2025 và Giấy ủy quyền của bà Trần Thị T4, sinh năm 1948, anh Đỗ Văn T5, sinh năm 1970, bà Đỗ Thị Kim T6, sinh năm 1972, anh Đỗ Văn T7, sinh năm 1975 đều trú tại Chợ H16, phường L, thành phố Hải Phòng; nội dung trong giấy ủy quyền thể hiện là nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963, trú tại 12 hẻm C T, phường K, thành phố Hà Nội.

Như vậy: ông T3 là nguyên đơn trong vụ án chết trước ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2025) là 11 ngày trong khi đó quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông T3 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y tham gia tố tụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 140 và Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà Y chấm dứt đại diện từ ngày 30/8/2026.

Việc ông T3 chết đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người kế thừa quyền và nghĩa vụ; trong khi đó cấp sơ thẩm chưa làm rõ được ông T3 có mấy người vợ, có mấy người con đẻ, con nuôi; trước khi chết có để lại di chúc hay không. Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể bổ sung những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T3 vào tham gia tố tụng được để bảo vệ quyền (như quyền kháng cáo) và lợi ích hợp pháp của họ.

Tài liệu mà bà Y cung cấp trong quá trình xét xử phúc thẩm là tình tiết mới làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, đương sự không cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm không biết được thể hiện tại biên bản phiên tòa ngày 11/9/2025 (BL: 1210-1220) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Tuy nhiên cấp sơ thẩm không có lỗi).

Mặt khác, bản án sơ thẩm xác định ông Đỗ Văn T15 (là em trai ông Đỗ Văn T3) - đã chết năm 2017 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định được người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T15. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã quyết định: "...Thanh toán cho ông Đỗ Văn T3 và ông Đỗ Văn T15 số tiền 6.892.600.000 đồng. Do ông Đỗ Văn T15 đã chết năm 2017, thời điểm xét xử chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T15 nên tạm giao cho ông Đỗ Văn Thanh quản L7 toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng", đề sau này người kế quyền của ông Đỗ Văn T15 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật tố tụng"

Việc ông T3 chết thì quan điểm của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3 đối với tài sản ông T3 được nhận và tài sản ông T3 được tạm giao quản lý không thể làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm.

Do phát sinh nhiều tình tiết mới và người đại diện theo ủy quyền đã chấm dứt đại diện theo ủy quyền của ông T3 mà cấp sơ thẩm vẫn xét xử là vi phạm

ng nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên thấy:

Mặc dù kháng cáo ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị T12 không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Đề xuất: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về việc quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm. Giao lại cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng phân tích trên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Tuấn H3, bà Tạ Thị T12 làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, có mặt: bà Lê Thị C, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, bà Đỗ Thị Kim T6, bà Nguyễn Thị Y, ông Tạ Tuấn H3, bà Tô Thị R, bà Tạ Thị T12, ông Tạ Tô H6, ông Tạ Văn H8, anh Nguyễn Hoài N. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại bản án dân sự phúc thẩm số 15/DS-PT ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh đã giải quyết chia thừa kế của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8 để lại. Theo quyết định của bản án đã chia cho 05 người con của cụ K1 và cụ N8, trong đó: Cụ Tạ Văn T17 được chia 66m² đất, cụ Tạ Văn L3 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị T16 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị L1 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị P được chia 66m² đất. Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý ngày 21-7-2003, cụ Tạ Thị P, cụ Tạ Thị L1, ông Đỗ Văn T3 là con trai của cụ Tạ Thị T16 (đã chết năm 1996), ông Tạ Văn N1 là con trai của cụ Tạ Văn L3 (đã chết năm 2000) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Văn T17 (cụ Tạ Văn T17 đã chết năm 1970) trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được chia theo bản án dân sự phúc thẩm số 15/DS-PT ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh. Diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại đường N, thành phố N, tỉnh Nam Định nay là phường N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004; Điều 164, Điều 181, Điều 255, Điều 264 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 155, Điều 174, Điều 247, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 105, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 50/2021/AL ngày 31-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nay là Tòa án nhân dân khu vực 7-N lý, giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền, cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp kiện đòi lại tài sản” và xác định cụ Tạ Thị P, cụ Tạ Thị L1, ông Đỗ Văn T3, ông Tạ Văn N1 là nguyên đơn; ông Tạ Văn C1, ông Tạ Xuân T9, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8 được xác định là bị đơn là đúng pháp luật.

[4] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định những người được quyền sở hữu, sử dụng tài sản đang tranh chấp: Nguồn gốc tài sản đang có tranh chấp giữa các đương sự là di sản của cụ Tạ Văn K1 và cụ Vũ Thị N8 để lại. Theo quyết định đã có hiệu lực pháp luật của bản án phúc thẩm dân sự số 15/DS-ST ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh đã chia theo pháp luật cho 05 người con của cụ K1 và cụ N8, trong đó: Cụ Tạ Văn T17 được chia 66m² đất, cụ Tạ Văn L3 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị T16 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị L1 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị P được chia 66m² đất. Căn cứ quy định của Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 246 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị P đã được xác lập quyền sở hữu tài sản theo bản án phúc thẩm nêu trên. Do cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị P đều đã chết nên xác định diện tích đất mỗi người được chia nêu trên là di sản thừa kế để lại. Căn cứ Điều 676, Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 221, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 236 Luật Đất đai năm 2024:

[5] Cụ Tạ Văn T17 (đã chết năm 1970) có vợ là bà Nguyễn Thị M1 (đã chết năm 2000), khi chết cả hai cụ không để lại di chúc. Cụ T17 và cụ M1 có 07 người con gồm: Ông Tạ Văn C1, ông là Tạ Xuân T9, bà Tạ Thị C2, ông Tạ Văn M, ông Tạ Văn H7, bà Tạ Thị Y1 và ông Tạ Văn H8. Mỗi người con được hưởng kỷ phần bằng nhau đối với diện tích đất của cụ Tạ Văn T17 để lại.

[6] Ông Tạ Văn C1 có vợ là Mai Thị T8 và có 08 người con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5. Ông C1 chết năm 2016, không để lại di chúc. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Mai Thị T8 và 08 người con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5 được xác định là người thừa kế của ông Tạ Văn C1 nên được hưởng chung phần di sản mà ông Tạ Văn C1 được hưởng thừa kế từ cụ Tạ Văn T17.

[7] Ông Tạ Xuân T9 có vợ là Tô Thị R và có 06 người con là Tạ Tô H6, Tạ Xuân T10, Tạ Xuân T11, Tạ Thị N5, Tạ Thị T12, Tạ Thị Hồng T13. Ông T9 chết năm 2005, không để lại di chúc. Tại thời điểm xét xử, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Tô Thị R và ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân

T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 được xác định là người thừa kế của ông Tạ Xuân T9 nên được hưởng chung phần di sản mà ông Tạ Xuân T9 được hưởng thừa kế từ cụ Tạ Văn T17.

[8] Cụ Tạ Văn L3 có vợ là Nguyễn Thị N9 và có 03 người con là Tạ Văn N1, Tạ Ngọc T14, Tạ Thị Bích . Cụ L3 chết năm 2000, cụ N9 chết năm 2019, không để lại di chúc. Tại thời điểm xét xử, căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B được xác định là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Văn L3. Mỗi người con được hưởng kỷ phần bằng nhau đối với diện tích đất cụ L3 để lại.

[9] Cụ Tạ Thị T16 có chồng là Đỗ Văn Đ1 và có 02 con là Đỗ Văn T3 và Đỗ Văn T15. Cụ Đ1 chết năm 1951, cụ T16 đã chết năm 1996, không để lại di chúc. Mỗi người con được hưởng kỷ phần bằng nhau đối với diện tích đất của cụ T16 để lại.

[10] Ông Đỗ Văn T15 đã chết năm 2017, thời điểm xét xử chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T15.

[11] Ông Đỗ Văn T3 chết ngày 30/8/2025, ông T3 có vợ là bà Trần Thị T4 sinh năm 1948 và có 03 con là ông Đỗ Văn Tân S năm 1970, bà Đỗ Thị Kim T6 sinh năm 1972, ông Đỗ Văn T7 sinh năm 1975. Tại cấp phúc thẩm vợ và 03 người con của ông T3 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3 đồng thời được hưởng chung phần di sản mà ông Đỗ Văn T3 được hưởng thừa kế từ cụ Tạ Thị T16.

[12] Cụ Tạ Thị L1 (đã chết năm 2018) có 01 con là bà Trần Thị Quy .1 Bà Trần Thị Q1 (đã chết năm 1974) có chồng ông Bùi Ngọc U (đã chết năm 1993) và 04 người con là Bùi Ngọc L2, Bùi Thị H1, Bùi Khắc T2, Bùi Khắc T1. Mỗi người con bà Q1 được hưởng kỷ phần bằng nhau đối với diện tích đất của cụ L1 để lại.

[13] Ông Bùi Ngọc L2 có vợ là bà Trần Thị Minh T21 và 01 con trai là Bùi Hoàng H2. Ông Bùi Ngọc L2 (chết tháng 2-2025), bà Trần Thị Minh T21 (chết năm 2014), không để lại di chúc. Anh Bùi Hoàng H2 được hưởng phần di sản mà ông Bùi Ngọc L2 được hưởng thừa kế từ cụ Tạ Thị L1.

[14] Cụ Tạ Thị P có chồng là cụ Nguyễn Bá H15 và có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Bá K. Cụ P chết năm 2011, cụ H15 chết năm 2018, không để lại di chúc. Mỗi người con được hưởng kỷ phần bằng nhau đối với diện tích đất của cụ P để lại.

[15] Ông Nguyễn Bá K đã chết năm 1997, không để lại di chúc. Ông K có vợ là Trần Thị H và 02 con là Nguyễn Hoài N, anh Nguyễn Trung T22. Căn cứ Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 - Thừa kế thế vị quy định: "Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống". Vì vậy anh Nguyễn Hoài N, anh Nguyễn Trung T22 được xác định là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Bá K. Anh Nguyễn Trung T22 đã chết năm 2009, không có vợ con. Phần di sản anh T22 được hưởng nếu còn sống được thừa kế cho

mẹ đẻ của anh là bà Trần Thị H. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H và anh Nguyễn Hoài N được hưởng chung phần di sản mà ông Nguyễn Bá K được hưởng thừa kế từ cụ Tạ Thị P.

[16] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đối với các đương sự không rõ năm sinh, địa chỉ cư trú, Tòa án đã yêu cầu bên phía nguyên đơn và bị đơn cung cấp nơi cư trú cụ thể của những người này, tuy nhiên cả bên phía nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết và đăng thông báo tìm kiếm những người có liên quan đến tranh chấp trong vụ án trên báo, đài phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng những người này không đến Tòa án làm việc, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng như giấy triệu tập, quyết định yêu cầu làm bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo tham gia xem xét, thẩm định, định giá tài sản, thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, thông báo tìm kiếm người liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa... Như vậy, các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm đảm bảo đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

[17] Căn cứ vào những người được quyền sở hữu, sử dụng tài sản tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ những người tham gia tố tụng và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của họ. Đối với ông Đỗ Văn T3 chết ngày 30/8/2025, trước khi xét xử sơ thẩm nhưng bản án sơ thẩm vẫn xác định ông Đỗ Văn T3 là nguyên đơn trong vụ án là có sai sót. Tuy nhiên thời điểm ông T3 chết sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/9/2025, không có đương sự nào thông báo việc này cho Tòa án. Ông T3 có vợ là bà Trần Thị T4 sinh năm 1948 và có 03 con là ông Đỗ Văn Tân S năm 1970, bà Đỗ Thị Kim T6 sinh năm 1972, ông Đỗ Văn T7 sinh năm 1975. Tại cấp phúc thẩm vợ và 03 người con của ông T3 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3 đều uỷ quyền cho người đại diện theo uỷ quyền của ông T3 tại giai đoạn sơ thẩm là bà Nguyễn Thị Y, đều tự nguyện đề nghị được tham gia tố tụng từ giai đoạn phúc thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 sẽ được vợ và 03 người con của ông T3 kế thừa. Vì vậy sai sót của cấp sơ thẩm không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để làm căn cứ huỷ bản án sơ thẩm.

[18] Về yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn: Theo quyết định của bản án phúc thẩm dân sự số 15/DS-ST ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh thì cụ Tạ Văn T17 được chia 66m² đất, cụ Tạ Văn L3 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị T16 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị L1 được chia 66m² đất, cụ Tạ Thị P được chia 66m² đất. Như vậy, tổng diện tích đất cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị P được chia là 330m² đất.

[19] Theo tài liệu cung cấp của Chi nhánh Văn phòng ký đất đai thành phố Đ3 (nay là Chi nhánh Văn phòng ký đất đai Nam Định) thì thửa đất số 5 tờ bản đồ 8 có diện tích 36,6 m²; thửa đất số 6 tờ bản đồ 8 có diện tích 62,3 m²; thửa đất số 7 tờ bản đồ 8 có diện tích 9,9 m²; thửa đất số 8 tờ bản đồ 8 có diện tích 10,9 m²; thửa đất số 9 tờ bản đồ 8 có diện tích 19 m²; thửa đất số 25 tờ bản đồ 8 có diện tích 52 m² (đã trừ đất quy hoạch); thửa đất số 26 tờ bản đồ 8 có diện tích 9,7 m²; thửa đất số 527 tờ bản đồ 5 có diện tích 62,3m², diện tích ngõ 02 là 50,6m², tổng cộng là 313,3m². Quá trình sử dụng đất, đo đạc và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy bị đơn đã sử dụng tổng diện tích đất nêu trên từ lâu, đồng thời biên bản xác định mốc giới các thửa đất này đã có chữ ký xác nhận của các hộ liên kề, do đó các đương sự được chia các phần đất theo bản án phúc thẩm dân sự số 15/DS-ST ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh sẽ cùng phải chịu phần sai số thiếu hụt đất như sau: $330\text{m}^2 - 313,3\text{m}^2 = 16,7\text{m}^2$. Vì vậy, cụ Tạ Văn T17, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị P, mỗi người được hưởng $313,3\text{m}^2 : 5 = 62,66\text{m}^2$.

[20] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự cho thấy tuy bị đơn đã sử dụng tổng diện tích đất nêu trên từ lâu nhưng không được sự nhất trí của nguyên đơn. Căn cứ Điều 264 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013, Điều 27 Luật Đất đai năm 2024 thì yêu cầu kiện đòi lại tài sản của cụ Tạ Thị P, cụ Tạ Thị L1, ông Đỗ Văn T3, ông Tạ Văn N1 đối với ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn C1, Tạ Xuân T9 là có cơ sở và được cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định của pháp luật.

[21] Về chia tài sản bằng hiện vật: Theo quy định tại Điều 220 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29-7-2024 của Chính phủ, Quyết định số 192/2025/QĐ-UBND ngày 31-12-2025 của UBND tỉnh N diện tích tối thiểu của thửa đất tại địa bàn phường N là $\geq 40\text{m}^2$, chiều rộng, chiều sâu $\geq 3,5\text{m}$. Đối chiếu theo quy định trên thì tổng diện tích đất 313,3 m² đáp ứng đủ điều kiện về diện tích, chiều rộng mặt tiền tối thiểu, chiều sâu tối thiểu để tách thửa đất. Căn cứ chiều rộng mặt tiền theo hướng từ đường N đi vào thì nếu chia diện tích đất đang tranh chấp thành 05 thửa và mỗi thửa đều có chiều rộng mặt tiền tối thiểu $\geq 3,5\text{m}$ thì tài sản đang tranh chấp sẽ không đáp ứng đủ điều kiện để tách thửa. Đồng thời để đảm bảo, không làm suy giảm giá trị quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ3 (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ3) cung cấp để chia hiện vật như sau (Có sơ đồ kèm theo bản án):[22] Giao cho ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 62,66m² (đã trừ đất quy hoạch) và công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 25, thửa đất số 07, một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 8 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ

đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 17 đến điểm 37; phía Đông từ điểm 9 đến điểm 34; phía Nam có chiều sâu kéo dài từ điểm 9 đến điểm 10, đến điểm 11, đến điểm A, đến điểm 13, đến điểm 14, đến điểm A, từ điểm 15 kéo sang điểm 16, từ điểm 16 đến điểm 17; phía Bắc có chiều sâu kéo dài tính từ điểm 37 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 34). Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận phân chia di sản thừa kế hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Văn T17 theo quy định của pháp luật.[23] Giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N được quyền sở hữu quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích khoảng 187,98m² (đã trừ diện tích quy hoạch) và các công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 09, thửa đất số 26, một phần thửa đất số 08, một phần thửa đất số 05, một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và diện tích đất, công trình xây dựng trên đất ngõ B, bao gồm diện tích đất cụ Tạ Thị P được hưởng là 62,66m², của cụ Tạ Thị T16 là 62,66m², của cụ Tạ Văn L3 là 62,66m² (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 33 đến điểm 37; phía Nam từ điểm 8 đến điểm 9, từ điểm 9 kéo sang điểm 34, từ điểm 34 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 37; phía Đông tính từ điểm 1 đến điểm 2, đến điểm 3, đến điểm 4, đến điểm 5, từ điểm 5 kéo sang điểm 6, từ điểm 6 sang điểm 7, từ điểm 7 đến điểm 8; phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 31, từ điểm 31 kéo sang điểm 32, từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33). Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị P theo quy định của pháp luật.

[24]Giao cho bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích khoảng 62,66m² (đã trừ diện tích quy hoạch) và các tài sản xây dựng trên đất thuộc một phần thửa đất số 05, một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ 5 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 28 đến điểm 33; phía Bắc có chiều sâu từ điểm 28 đến điểm 29, đến điểm 30, đến điểm 31; phía Đông từ điểm 31 kéo sang điểm 32; phía Nam từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33). Bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị L1 theo quy định của pháp luật.

[25] Về thanh toán diện tích đất bằng giá trị tiền: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có trách nhiệm thanh toán chênh lệch diện tích 62,66m² đất được hưởng của cụ Tạ Văn L3 cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B; thanh toán chênh lệch diện tích 62,66m² đất được hưởng của cụ Tạ Thị T16 cho

ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7.

[26] Theo kết quả định giá ngày 24-4-2025, Hội đồng định giá tài sản đã quyết định đơn giá thửa đất số 5, số 25, số 26 tờ bản đồ số 8 là 200.000.000 đồng/m², đơn giá thửa đất số 6 tờ bản đồ số 8 là 80.000.000 đồng/m², đơn giá thửa đất số 7, số 8, số 9 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 là 50.000.000 đồng/m², tính trung bình là 110.000.000 đồng/m². Do đó, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có trách nhiệm thanh toán cho:

[27] Ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B số tiền 110.000.000 đồng x 62,66m² = 6.892.600.000 đồng. Tạm giao cho ông Tạ Văn N1 được quyền nhận toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng. Ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 đồng hoặc khởi kiện chia số tiền 6.892.600.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[28] Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B theo quy định của pháp luật.

[29] Thanh toán cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 số tiền 110.000.000 đồng x 62,66m² = 6.892.600.000 đồng. Do ông Đỗ Văn T15 đã chết năm 2017, thời điểm xét xử chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T15 nên tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 quản lý toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng, để sau này người thừa kế của ông Đỗ Văn T15 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật.

[30] Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 theo quy định của pháp luật.

[31] Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 đồng phải thanh toán cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B và số tiền 6.892.600.000 đồng phải thanh toán cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 theo tỷ lệ được hưởng hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

[32] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[33] Về trách nhiệm bàn giao: Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có trách nhiệm bàn giao các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2.

[34] Bản án phúc thẩm số 15/DS-ST ngày 20-6-1979 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh chưa phân định vị trí, mốc giới diện tích đất được chia cụ thể cho mỗi người, đồng thời cụ Tạ Thị P, cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16 sinh sống ở địa chỉ khác. Theo lời khai của các đương sự, tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Văn T17 đã tự sử dụng, xây dựng công trình trên phần đất của cụ T17 và cả phần đất cụ Tạ Văn L3, cụ Tạ Thị T16, cụ Tạ Thị L1, cụ Tạ Thị P. Do các đương sự bên phía bị đơn không hợp tác nên Tòa án không xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá được tài sản xây dựng trên đất đang có tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ không giải quyết đối với các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ 02 theo diện tích đất sẽ giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2.

[35] Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 về giá trị thanh toán đối với các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và các công trình xây dựng tại ngõ số 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho những người này hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

[36] Hội đồng xét xử sẽ không giải quyết đối với các công trình xây dựng trên thửa đất số 25, số 07, số 08 tờ bản đồ số 8. Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8,

ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận thanh toán với nhau về giá trị của các công trình xây dựng trên thửa đất số 7, thửa đất số 8, thửa đất số 25 tờ bản đồ số 8 hoặc khởi kiện vấn đề này bằng vụ án khác.

[37] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Luật cao tuổi; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định cụ thể như sau:

[38] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp sẽ được trả lại.

[39] Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1, bà Tô Thị R, bà Mai Thị T8, bà Trần Thị H10, bà Nguyễn Vũ Bích N7, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị T12 là những người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và có đề nghị xin miễn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

[40] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Phương L4, bà Tạ Thị N11, bà Tạ Thu H5, ông Tạ Tô H6, ông Tạ Văn T23, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị Hồng T13, mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

[41] Như vậy, Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của TAND Khu vực 7-Ninh Bình đảm bảo về cả tố tụng và nội dung. Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác nên kháng cáo của ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị T12 đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận. Do bản án sơ thẩm có sai sót về việc ông Đỗ Văn T3 đã chết trước khi mở phiên toà sơ thẩm mà vẫn tuyên cho ông T3 được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ dân sự. Vì vậy cấp phúc thẩm sửa phần bản án sơ thẩm đối với hưởng quyền và phần thực hiện nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 sẽ được thay thế bằng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7.

[42] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

[43] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309, Điều 74, Điều 147, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 181, Điều 254, Điều 255, Điều 264, Điều 738 Bộ luật sự năm 1995; Điều 155, Điều 174, Điều 246, Điều 247, Điều 256 và Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 649 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27, Điều 220 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về lệ phí, án phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 50/2021/AL ngày 31-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị T12.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Ninh Bình về phần hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 sẽ được thay thế bằng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Tạ Thị P (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị P là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N), cụ Tạ Thị L1 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Tạ Thị L1 là bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Hoàng H2), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7, ông Tạ Văn N1.

3.1 Về việc giao đất và các tài sản xây dựng trên đất:

- Giao cho ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 62,66m² (đã trừ đất quy hoạch) và sở hữu công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 25, thửa đất số 07, một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 8 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 17 đến điểm 37; phía Đông từ

điểm 9 đến điểm 34; phía Nam có chiều sâu kéo dài từ điểm 9 đến điểm 10, đến điểm 11, đến điểm A, đến điểm 13, đến điểm 14, đến điểm A, từ điểm 15 kéo sang điểm 16, từ điểm 16 đến điểm 17; phía Bắc có chiều sâu kéo dài tính từ điểm 37 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 34).

Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận phân chia di sản thừa kế hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Văn T17 theo quy định của pháp luật.

Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có trách nhiệm bàn giao đất, các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2.

- Giao cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N được quyền quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích khoảng 187,98m² (đã trừ diện tích quy hoạch) và sở hữu các công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 09, thửa đất số 26, một phần thửa đất số 08, một phần thửa đất số 05, một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và diện tích đất, công trình xây dựng trên đất tại ngõ B, bao gồm diện tích đất cụ Tạ Thị P được hưởng là 62,66m², của cụ Tạ Thị T16 là 62,66m², của cụ Tạ Văn L3 là 62,66m² (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 33 đến điểm 37; phía Nam từ điểm 8 đến điểm 9, từ điểm 9 kéo sang điểm 34, từ điểm 34 đến điểm 35, từ điểm 35 đến điểm 36, từ điểm 36 đến điểm 37; phía Đông tính từ điểm 1 đến điểm 2, đến điểm 3, đến điểm 4, đến điểm 5, từ điểm 5 kéo sang điểm 6, từ điểm 6 sang điểm 7, từ điểm 7 đến điểm 8; phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 31, từ điểm 31 kéo sang điểm 32, từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33).

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị P theo quy định của pháp luật.

- Giao cho bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích khoảng 62,66m² (đã

trừ diện tích quy hoạch) và sở hữu các công trình xây dựng trên đất thuộc một phần thửa đất số 05, một phần thửa đất số 06 tờ bản đồ 8, một phần thửa đất số 527 tờ bản đồ 5 (cụ thể: Phía Tây theo hướng từ đường N đi vào có chiều rộng mặt tiền tính từ điểm 28 đến điểm 33; phía Bắc có chiều sâu từ điểm 28 đến điểm 29, đến điểm 30, đến điểm 31; phía Đông từ điểm 31 kéo sang điểm 32; phía Nam từ điểm 32 kéo dài đến điểm 33).

Bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện chia di sản thừa kế diện tích 62,66m² đất của cụ Tạ Thị L1 theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

3.2 Về thanh toán giá trị đất bằng tiền:

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có trách nhiệm:

+ Thanh toán cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Tạm giao cho ông Tạ Văn N1 được quyền nhận toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng. Ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 đồng hoặc khởi kiện vấn đề này theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B theo quy định của pháp luật.

+ Thanh toán cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Do ông Đỗ Văn T15 đã chết năm 2017, thời điểm xét xử chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T15 nên tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 quản lý toàn bộ số tiền 6.892.600.000 đồng, để sau này người thừa kế của ông Đỗ Văn T15 có quyền hưởng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện phân chia diện tích 62,66m² đất đã thanh toán bằng tiền cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N có quyền thỏa thuận với nhau về việc phân chia số tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng phải thanh toán cho ông Tạ Văn N1, ông Tạ Ngọc T14, bà Tạ Thị B và số

tiền 6.892.600.000 (Sáu tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng phải thanh toán cho ông Đỗ Văn T15 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 theo tỷ lệ được hưởng hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3 Về giá trị công trình xây dựng trên đất:

- Ông Tạ Văn H7 và bà Trần Thị H10, ông Tạ Văn H8 và bà Nguyễn Vũ Bích N7, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N, bà Bùi Thị H1, ông Bùi Khắc T2, ông Bùi Khắc T1, anh Bùi Hoàng H2 về giá trị thanh toán đối với các công trình xây dựng trên thửa đất số 05, số 06, số 08, số 09, số 26 tờ bản đồ số 8, thửa đất số 527 tờ bản đồ số 5 và công trình xây dựng tại ngõ số 02 theo diện tích đất sẽ được giao cho những người này hoặc khởi kiện vấn đề này bằng một vụ án khác.

- Ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Văn C1 là bà Mai Thị T8 và các con là bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tạ Xuân T9 là bà Tô Thị R và các con là ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị T12, bà Tạ Thị Hồng T13 có quyền thỏa thuận thanh toán với nhau về giá trị của các công trình xây dựng trên thửa đất số 07, thửa đất số 08, thửa đất số 25 tờ bản đồ số 8 hoặc khởi kiện vấn đề này bằng vụ án khác.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự trong vụ án được chia sở hữu sử dụng, quản lý quyền sử dụng đất có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoài N số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng do cụ Tạ Thị P đã nộp theo Biên lai số 004854 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Trả lại ông Tạ Văn N1 số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng đã nộp theo Biên lai số 004853 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn T3 là bà Trần Thị T4, ông Đỗ Văn T5, bà Đỗ Thị Kim T6, ông Đỗ Văn T7 số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng đã nộp theo Biên lai số 004855 ngày 21-7-2003 tại Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

- Bà Tạ Phương L4, bà Tạ Kim N4, bà Tạ Thu H5, ông Tạ Tô H6, ông Tạ Xuân T10, ông Tạ Xuân T11, bà Tạ Thị N5, bà Tạ Thị Hồng T13, mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Miễn án phí cho ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, ông Tạ Văn M, bà Tạ Thị C2, bà Tạ Thị Y1, bà Tô Thị R, bà Mai Thị T8, bà Trần Thị H10, bà Nguyễn Vũ Bích N7, bà Tạ Thị N3, ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Tuấn Q, bà Tạ Mai H4, bà Tạ Thị N2, bà Tạ Thị T12.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Tạ Tuấn H3, ông Tạ Văn H7, ông Tạ Văn H8, bà Tạ Thị T12 không phải nộp án phí phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 7-Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Công